

Bản án số: 07/2024/HS-ST
Ngày: 15 - 3 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Thung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Quân;

Bà Nguyễn Thị Minh Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tùng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 07/2024/TLST-HS ngày 29 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2024/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 3 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. **Hoàng Văn T**, sinh năm 1987; nơi cư trú: **Xóm C, V, xã N, thành phố N, tỉnh Nam Định**; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Hoàng Văn Q** và bà **Nguyễn Thị L**; gia đình có 02 anh em, bị can là con thứ 01; có vợ là **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1988 và có 03 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2023; tiền án: Không;

Tiền sự: Ngày 03/01/2023, **Công an huyện N**, tỉnh Nam Định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Cố ý gây thương tích”, hình thức: phạt tiền;

Nhân thân: Ngày 29/12/2005, **Công an thành phố N** xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Cố ý gây thương tích”, hình thức: phạt tiền.

Bị tạm giam từ ngày 10/10/2023 đến nay; “có mặt”;

2. **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1959; nơi cư trú: **Thôn T, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định**; nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí; trình độ học vấn: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; chức vụ: Chủ tịch Hội phụ nữ **xã X**, nghỉ hưu từ ngày 01/6/2014. Là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, đã xin ra khỏi Đảng từ ngày 02/11/2023; con ông **Nguyễn Văn K** đã chết và bà **Nguyễn Thị T1**; gia đình có 09 anh chị em, bị cáo là con thứ 6; có chồng là **Đào Xuân H1** và có 02 con, con lớn sinh năm 1990, con nhỏ sinh năm 1992; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 03/10/2023 đến nay; “có mặt”.

- Người bào chữa cho bị cáo **Nguyễn Thị H**: Ông **Phạm Đức H2**, bà **Nguyễn Thị H3** - Luật sư của **Công ty L1** thuộc **Đoàn luật sư Thành phố H**.
- Bị hại: Bà bà **Nguyễn Thị R**, sinh năm 1957; địa chỉ: **Thôn T, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định** (đã chết).
 - + Người đại diện hợp pháp của bị hại:
 1. Bà **Nguyễn Thị T1**, sinh năm 1916; địa chỉ: **Thôn T, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định**;
 2. Bà **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1944; địa chỉ: **Ấp B, T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu**;
 3. Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1959; địa chỉ: **Thôn T, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định**;
 4. Bà **Nguyễn Thị T2**, sinh năm 1960, địa chỉ: **B, H, huyện B, tỉnh Hà Giang**.
 - Người đại diện theo ủy quyền của bà **T1**, bà **D**, bà **H**, bà **T2**: Anh **Nguyễn Văn Q1**, sinh năm 1976; địa chỉ: **Thôn T, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định** (văn bản ủy quyền ngày 30/6/2023); “có mặt”;
 - Người làm chứng:
 1. Anh **Phạm Tuấn V**, sinh năm 1989; “vắng mặt”;
 2. Anh **Nguyễn Đình T3**, sinh năm 1986; “vắng mặt”;
 3. **Trần Công T4**, sinh năm 1990; “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hoàng Văn T có giấy phép lái xe hạng C, còn giá trị đến ngày 19/11/2026. Thời điểm tháng 6/2023, **T** lái xe thuê cho anh **Phạm Tuấn V**. Công việc hàng ngày của **T** là lái xe chở hàng đi giao cho khách tại các huyện trên địa bàn tỉnh Nam Định. Khoảng 19 giờ 50 phút ngày 03/6/2023, **T** điều khiển xe ô tô tải màu trắng, loại thùng kín, nhãn hiệu HYUNDAI, tải trọng 1295 kg, BKS: 18H-013.32, trên xe chở anh **Trần Công T4** và anh **Nguyễn Đình T3** đi từ **huyện H** theo quốc lộ B sang **huyện X**, qua tỉnh lộ 489 vào đường huyện để đi về hướng **huyện G**. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, **T** điều khiển xe đi đến đoạn đường huyện thuộc địa phận **thôn T, xã X, huyện X**. Đây là đoạn đường ngoài khu vực đông dân cư, đường hai chiều, thẳng, rộng 11m, mặt trải nhựa phẳng, hai bên là vệ cỏ và ruộng lúa, ở giữa có vạch sơn vàng đứt nét chia đôi đường, đường không có đèn chiếu sáng. Cùng lúc này, phía đường ngược chiều với xe ô tô có xe mô tô nhãn hiệu Honda, màu sơn xanh, loại xe: hai bánh, dung tích xi lanh dưới 50cm³, BKS: 18-340AY do **Nguyễn Thị H** điều khiển chở chị gái là bà **Nguyễn Thị R** (cả hai đều không đội mũ bảo hiểm) cùng với khoảng 3 đến 4 xe mô tô khác đang lưu thông từ hướng **huyện G** đi **huyện X**. Khi đến khu vực ngã ba giao nhau giữa đường huyện và đường nhánh đi vào **thôn T, xã X** (đường nhánh ở bên trái theo hướng đi của **H** và bên phải theo hướng đi của **T**), **Nguyễn Thị H** quan sát thấy xe ô tô do **T** điều khiển đang đi đến khu vực ngã ba nhưng cho rằng có thể sang đường an toàn trước khi xe ô tô đi đến nên vẫn điều khiển xe chuyển hướng rẽ trái để vào đường nhánh. Còn **Hoàng Văn T** điều khiển xe chạy với tốc độ không phù hợp với điều kiện đường, ánh sáng, thời tiết,

tình trạng giao thông và không giảm tốc độ để có thể dừng lại một cách an toàn khi tầm nhìn bị hạn chế nên khi xe ô tô do **T** điều khiển đến gần khu vực ngã ba, **T** mới phát hiện thấy xe mô tô do **H** điều khiển đang di chuyển từ bên trái sang phần đường của mình nên đã đạp phanh làm xe rê trên đường khoảng 17 đến 18 mét thì đầu xe ô tô xô vào phía bên phải theo chiều tiến của xe mô tô, đẩy xe mô tô về phía trước khoảng 7 mét nữa thì cả hai xe mới dừng lại.

Hậu quả: Bà **Nguyễn Thị R** và **Nguyễn Thị H** bị xô văng ra khỏi xe, bị thương được đưa đi cấp cứu. Đến 22 giờ cùng ngày thì bà **R** tử vong, bà **H** điều trị tại Bệnh viện đến ngày 15/6/2023 được ra viện và điều trị tại nhà.

Ngay sau khi nhận được tin báo, Cơ quan CSĐT **Công an huyện X** phối hợp với các cơ quan chức năng tiến hành khám nghiệm hiện trường, thu giữ các phương tiện, giấy tờ, đồ vật liên quan để khám nghiệm và trưng cầu **Phòng K1 Công an tỉnh N** giám định tử thi và các nội dung liên quan theo quy định. Kết quả như sau:

Kết quả khám nghiệm hiện trường: Hiện trường để lại 02 vết phanh dài lần lượt là 24,5m và 19,8m; 03 vết cày dài lần lượt là 6,92m, 0,67m và 0,38m; 01 dấu vết máu; 01 xe ô tô BKS: 18H1-013.32 và 01 xe mô tô BKS: 18-340AY. (BL: 51-55)

Kết quả khám nghiệm tử thi: Tại Kết luận giám định tử thi số 825 ngày 21/6/2023 của Phòng KTHS **Công an tỉnh N** kết luận về các kết quả chính qua giám định và nguyên nhân chết của nạn nhân **Nguyễn Thị R** như sau: Mất phải bầm tím tụ máu, kích thước: 4cm x 2cm; Gò má phải trợt rách da bầm tím tụ máu, kích thước: 7cm x 5cm; Vùng chằm rách dập da cơ trên diện, kích thước: 10cm x 9cm; Tụ máu dưới da cơ vùng chằm trên diện, kích thước: 15cm x 10cm; Vỡ nứt xương hộp sọ vùng chằm nằm gần ngang, kích thước: 4,5cm x 0,1cm, qua đường vỡ có nhiều nước máu màu đen chảy ra; Gãy cung trước xương sườn 3, 4, 5, 6 bên phải. Kết luận: Nạn nhân **Nguyễn Thị R** chết do chấn thương vỡ xương hộp sọ, chảy máu nội sọ. Cơ chế: Do va đập và trà sát.

Kết quả giám định tỷ lệ tổn thương cơ thể: Tại kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 352/KLTTCT-TTPY ngày 02/10/2023 của Trung tâm pháp y **Sở y tế tỉnh H** kết luận về tổn thương cơ thể của **Nguyễn Thị H** như sau: 1. Các kết quả chính: Chấn thương ngực kín (gãy xương đòn phải, đang can, không ảnh hưởng đến gánh vác; Gãy 05 xương sườn một điểm, đang can; Tổn thương màng phổi phải không để lại di chứng); **V1** một bên cánh chậu phải; Gãy phức tạp ổ chảo khớp háng gây cứng khớp háng phải sau chấn thương chi ở tư thế thẳng trục từ 0 đến 90⁰; Gãy ngành ngồi mu phải; Gãy xương cụt không tổn thương thần kinh. 2. Kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của **Nguyễn Thị H** tại thời điểm giám định là 56%.

Kết quả giám định video thu giữ trong camera hành trình của xe ô tô BKS: 18H – 013.32:

1. Tại kết luận giám định số 1203/KL-KTHS ngày 11/8/2023 của **Phòng K1 Công an tỉnh N** kết luận về một số nội dung như sau: 1. Không phát hiện dấu vết bị cắt, ghép, chỉnh sửa nội dung trong toàn bộ mẫu cần giám định; 2. Tốc độ của xe mô tô BKS: 18 – 340 AY xuất hiện tại thời điểm ngay trước khi xảy ra tai nạn trong mẫu cần giám định là 12,6Km/h ($\pm 0,42$ Km/h); 3. Xe tải BKS: 18H – 013.32 có va chạm với xe mô tô BKS: 18 – 340 AY; 4. Không đủ cơ sở kết luận tại thời điểm

ngay trước và trong khi xảy ra tai nạn, xe ô tô BKS: 18H – 013.32 và xe mô tô BKS: 18 – 340 AY xuất hiện trong mẫu gửi giám định có ra tín hiệu gì không.

2. Tại kết luận giám định số 325/KL-KTHS ngày 25/01/2024 của **Phòng K1 Công an tỉnh N** kết luận về một số nội dung như sau: 1. Không phát hiện dấu vết bị cắt, ghép, chỉnh sửa nội dung trong toàn bộ mẫu cần giám định; 2. Tốc độ của xe ô tô tải BKS: 18H – 013.32 xuất hiện tại thời điểm 20h07'46" ngay trước khi xảy ra va chạm trong mẫu cần giám định là 64,8Km/h (+2,16Km/h); 3. Kèm theo là Biểu đồ vận tốc từng giây của xe ô tô tải BKS: 18H – 013.32 trong khoảng thời gian 20 giây trước khi xảy ra va chạm (từ 20h07'27" đến 20h07'46").

Tại phiếu đo nồng độ cồn hồi 21 giờ 48 phút ngày 03/6/2023 của **Công an huyện X** đối với **Hoàng Văn T** cho kết quả: 0.000mg/L.

Tại Cơ quan điều tra, **Hoàng Văn T** đã khai nhận toàn bộ hành vi của bản thân như nêu trên. **Nguyễn Thị H** khai trước khi sang đường có bật xi nhan rẽ trái, đã quan sát thấy xe ô tô đang đi đến ngã ba nhưng do tự tin sẽ sang đường trước khi xe ô tô đến nên vẫn quyết định chuyển hướng và hối hận về quyết định của mình.

Ngay sau khi tai nạn xảy ra, bị can **Hoàng Văn T** và anh **Phạm Tuấn V** đã thỏa thuận bồi thường cho đại diện gia đình nạn nhân **Nguyễn Thị R** số tiền 79.000.000 đồng; cho **Nguyễn Thị H** số tiền 30.000.000 đồng. **Nguyễn Thị H** đã bỏ ra 60.000.000 đồng để cùng gia đình lo hậu sự cho bị hại. Hiện không ai có yêu cầu gì thêm về bồi thường dân sự. Đại diện gia đình bị hại có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Cáo trạng số 05/CT-VKS ngày 26/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường đã truy tố hành vi của **Hoàng Văn T**, **Nguyễn Thị H** về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo **Hoàng Văn T**, **Nguyễn Thị H** đã phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”;

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Hoàng Văn T** 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 10/10/2023.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s, v khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị H** từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung do hoàn cảnh kinh tế gia đình các bị cáo khó khăn, nghề nghiệp không ổn định theo quy định tại khoản 5 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Đại diện bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm về dân sự.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; đề nghị Hội đồng xét xử: Tịch thu cho tiêu hủy 01 niêm phong hoàn trả mẫu vật giám định số 996

của Phòng K1 Công an tỉnh N; trả lại cho bị cáo Hoàng Văn T 01 giấy phép lái xe ô tô hạng C số 360218012139 mang tên Hoàng Văn T; 01 chiếc USB chứa đoạn video theo thu giữ trong vụ án đề nghị tiếp tục lưu hồ sơ vụ án.

Các bị cáo nhận tội, không có tranh luận gì với Kiểm sát viên.

Tại phiên tòa, các bị cáo nhất trí với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H; các bị cáo khai nhận đã thực hiện hành vi “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” như nội dung vụ án đã nêu, các bị cáo công nhận Viện kiểm sát đã truy tố đúng hành vi phạm tội của mình. Trong lời nói sau cùng, các bị cáo thực sự ăn năn, hối lỗi mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện X, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện X, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, đại diện bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc kết tội: Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay thể hiện thống nhất với lời khai của bị cáo trước đây tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản hiện trường, vật chứng thu giữ, phù hợp với lời khai của người làm chứng, kết hợp cùng với kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, từ đó đã đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 20 giờ ngày 03/6/2023, tại khu vực giao nhau giữa đường huyện và đường nhánh thuộc địa phận thôn T, xã X, huyện X, Hoàng Văn T điều khiển xe ô tô tải màu trắng, loại thùng kín, nhãn hiệu HYUNDAI, tải trọng 1295 kg, BKS: 18H-013.32 lưu thông trên đường huyện theo hướng từ huyện X đi huyện G còn Nguyễn Thị H điều khiển xe mô tô BKS: 18-340 AY, dung tích xi lanh dưới 50cm³ chở bà Nguyễn Thị R lưu thông trên đường huyện theo hướng ngược chiều. Khi đến khu vực ngã ba, H quan sát thấy xe ô tô do T điều khiển đang đi đến nhưng do chủ quan nên không nhường đường cho xe đi ngược chiều mà vẫn điều khiển xe rẽ trái vào đường nhánh, còn T điều khiển xe thiếu chú ý quan sát, chạy với tốc độ không phù hợp với điều kiện đường, thời tiết, ánh sáng và không giảm tốc độ đến mức không nguy hiểm khi tầm nhìn bị hạn chế (do có nhiều phương tiện đi ngược chiều) nên khi xe do H điều khiển đang rẽ trái thì T mới phát hiện, đạp phanh nhưng xe không kịp dừng dẫn đến đầu xe ô tô xô vào phần bên phải theo chiều tiến của xe mô tô. Hành vi của Nguyễn Thị H vi phạm khoản 2 Điều 15 của Luật giao thông đường bộ về chuyển hướng xe và hành vi của Hoàng Văn T vi phạm khoản 3 Điều 4 và khoản 2 Điều 5 Thông tư số 31/2019/TT-BGTVT ngày 29/8/2019 của Bộ G quy định về tốc độ và khoảng cách an toàn của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ gây tai nạn làm bà Nguyễn Thị R tử vong. Vì vậy, hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham

gia giao thông đường bộ" theo điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm về trật tự an toàn giao thông công cộng trên lĩnh vực giao thông đường bộ, còn gây thiệt hại về sức khỏe tính mạng cho người khác. Tai nạn giao thông đang là vấn đề nhức nhối của toàn xã hội, gây nên tâm lý bất an lo lắng cho những người tham gia giao thông, hàng ngày chúng ta phải chứng kiến nhiều sinh mạng bị cướp đi bởi tai nạn giao thông. Trong khi toàn xã hội đang tìm giải pháp để giảm thiểu tai nạn giao thông, nguyên nhân do ý thức của người tham gia giao thông không tuân thủ và chấp hành nghiêm chỉnh về luật giao thông đường bộ. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, khi điều khiển xe ô tô, mô tô do đi nhanh, không chú ý quan sát đã xô vào nhau làm bà **R** tử vong. Vì vậy, hành vi của các bị cáo cần phải xử phạt theo quy định của pháp luật vừa có tác dụng răn đe đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Về vị trí, vai trò của các bị cáo trong vụ án: Các bị cáo do không chấp hành các quy định về an toàn giao thông đường bộ khi tham gia giao thông, mặc dù thấy trước hành vi của mình có thể gây ra hậu quả nguy hiểm cho người khác, các bị cáo đã điều khiển phương tiện tham gia giao thông do đi nhanh, không chú ý quan sát đã xô vào nhau dẫn đến hậu quả như trên nên có vai trò ngang nhau trong vụ án.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo **T** là người có nhân thân xấu, đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Cố ý gây thương tích”, các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo đã khắc phục hậu quả là bồi thường cho gia đình bị hại, đại diện bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo **H**, trong thời gian làm Chủ tịch **Hội phụ nữ xã X** đã được các cấp có thẩm quyền tặng giấy khen vì có thành tích xuất sắc trong công tác nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm v khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình.

[6] Về hình phạt: Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly bị cáo **T** ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và răn đe, đấu tranh phòng ngừa chung. Bị cáo **H** có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên không cần phải cách ly bị cáo này ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách phù hợp là đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội, phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy hoàn cảnh kinh tế gia đình các bị cáo khó khăn. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là cấm hành nghề lái xe theo quy định tại khoản 5 Điều 260 của Bộ luật Hình sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Đại diện bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Về vật chứng của vụ án:

- Đối với chiếc xe ô tô BKS: 18H – 013.32 và các giấy tờ liên quan là tài sản hợp pháp của anh **Phạm Tuấn V**; chiếc xe mô tô BKS: 18 - 340 AY là tài sản hợp pháp của **Nguyễn Thị H**. Sau khi khám nghiệm và thu thập dấu vết liên quan, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh **V** và bị cáo **H** là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Đối với 01 phong bì niêm phong hoàn trả mẫu vật giám định số 996 của **Phòng K1 Công an tỉnh N** không có giá trị nên tịch thu cho tiêu hủy.

- Đối với 01 giấy phép lái xe ô tô hạng C số 360218012139 mang tên **Hoàng Văn T**, xét trả lại cho bị cáo **T**.

- Đối với 01 chiếc USB chứa đoạn video thu giữ trong vụ án xét cần tiếp tục lưu hồ sơ vụ án.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo **Hoàng Văn T**; căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s, v khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo **Nguyễn Thị H**;

- Tuyên bố các bị cáo của **Hoàng Văn T**, **Nguyễn Thị H** phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

+ Xử phạt bị cáo **Hoàng Văn T** 01 (một) năm 9 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 10/10/2023.

+ Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị H** 01 (một) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm, kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo **Nguyễn Thị H** cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện X giám sát giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Trong trường hợp bị cáo **Nguyễn Thị H** thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong hoàn trả mẫu vật giám định số 996/KL-KTHS của **Phòng K1 Công an tỉnh N**;

- Trả lại cho bị cáo **Hoàng Văn T** 01 giấy phép lái xe ô tô hạng C số 360218012139 mang tên **Hoàng Văn T**.

(Các vật chứng nêu trên được mô tả trong Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 27/CCTHA ngày 26/02/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an huyện X** và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường. Riêng các giấy tờ xe trên kèm theo hồ sơ vụ án).

3. Án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; buộc các bị cáo **Hoàng Văn T, Nguyễn Thị H** mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định: 01 bản;
- VKSND tỉnh Nam Định: 01 bản;
- VKSND huyện Xuân Trường: 01 bản;
- Công an huyện Xuân Trường: 01 bản;
- CCTHADSH Xuân Trường: 01 bản;
- UBND xã Xuân Hồng: 01 bản;
- UBND phường Trần Lãm: 01 bản;
- Bị cáo: 01 bản;
- - Người đại diện bị hại: 01 bản;
- Lưu hồ sơ: 02 bản
- Lưu VP: 01 bản

**TM .HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Văn Thung